

BÁO GIÁ THUÊ XE & VẬN TẢI

VEHICLE RENTAL & TRANSPORTATION QUOTATION

Số: BGVT-2026/001 | Ngày:/...../2026

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Khách hàng: [Tên công ty / Cá nhân]
Địa chỉ: [Địa chỉ liên hệ]
Người đặt xe: [Họ tên — Chức vụ]
Điện thoại: [Số điện thoại]
Nhu cầu: [Du lịch / Đưa đón sân bay / Sự kiện / Hợp đồng dài hạn]

Chúng tôi xin trân trọng gửi đến Quý khách hàng bảng báo giá thuê xe như sau. Giá thuê đã bao gồm xe, tài xế, nhiên liệu và bảo hiểm hành khách (trừ hình thức tự lái).

A. BẢNG GIÁ THUÊ XE THEO NGÀY (CÓ TÀI XẾ)

ST T	Loại xe	Số chỗ	Đời xe	ĐVT	Giá thuê (VNĐ)	Ghi chú
1	Xe sedan 5 chỗ (Toyota Vios / Hyundai Accent)	4-5	2022-2025	Ngày	1.200.000	Nội thành, tối đa 10 giờ/ngày
2	Xe sedan hạng sang (Toyota Camry / Mazda 6)	4-5	2022-2025	Ngày	1.800.000	Đưa đón VIP, sân bay, sự kiện
3	Xe SUV 7 chỗ (Fortuner / Everest)	7	2021-2025	Ngày	1.600.000	Phù hợp tuyến đường dài, địa hình
4	Xe MPV 7 chỗ (Innova / Xpander)	7	2022-2025	Ngày	1.400.000	Gia đình, nhóm nhỏ
5	Xe 16 chỗ (Ford Transit)	16	2021-2025	Ngày	1.800.000	Du lịch nhóm, công ty
6	Xe 29 chỗ (County / Samco)	29	2020-2024	Ngày	2.200.000	Du lịch đoàn, hội nghị
7	Xe 45 chỗ (Universe / Thaco)	45	2021-2025	Ngày	3.200.000	Đoàn lớn, tuyến liên tỉnh

B. BẢNG GIÁ THUÊ XE THEO TUYẾN CÓ ĐỊNH

ST T	Tuyến đường	Loại xe	Khoảng cách	Một chiều (VNĐ)	Hai chiều (VNĐ)	Ghi chú
1	Hà Nội — Ninh Bình	Xe 4-5 chỗ	~95 km	1.500.000	2.200.000	Trong ngày
2	Hà Nội — Ninh Bình	Xe 16 chỗ	~95 km	2.500.000	3.500.000	Trong ngày
3	Hà Nội — Hạ Long	Xe 4-5 chỗ	~160 km	2.000.000	3.000.000	Trong ngày
4	Hà Nội — Hạ Long	Xe 29 chỗ	~160 km	3.800.000	5.500.000	Trong ngày
5	Hà Nội — Sapa	Xe 7 chỗ	~320 km	3.500.000	5.800.000	2 ngày 1 đêm
6	Hà Nội — Sapa	Xe 45 chỗ	~320 km	6.500.000	10.000.000	2 ngày 1 đêm

ST T	Tuyến đường	Loại xe	Khoảng cách	Một chiều (VNĐ)	Hai chiều (VNĐ)	Ghi chú
7	Hà Nội — Hải Phòng	Xe 4–5 chỗ	~120 km	1.600.000	2.400.000	Trong ngày
8	Hà Nội — Thanh Hóa (Sầm Sơn)	Xe 16 chỗ	~170 km	3.000.000	4.200.000	Trong ngày

C. BẢNG PHỤ PHÍ PHÁT SINH

ST T	Hạng mục phụ phí	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
1	Phụ phí phát sinh quá giờ (sau 10 giờ/ngày)	Giờ	120.000
2	Phụ phí phát sinh quá km (trên 200 km/ngày)	Km	5.000
3	Phụ phí qua đêm tài xế (tuyến xa)	Đêm	300.000
4	Phí cầu đường, bến bãi, phà	Thực tế	Theo thực tế
5	Xăng dầu (đối với hình thức thuê xe tự lái)	Thực tế	Theo thực tế

GIÁ THUÊ ĐÃ BAO GỒM

- Xe đời mới, đầy đủ giấy tờ pháp lý, đăng kiểm còn hạn.
- Tài xế kinh nghiệm, am hiểu tuyến đường, phục vụ lịch sự (đối với thuê xe có tài xế).
- Nhiên liệu (xăng/dầu) trong phạm vi km tiêu chuẩn (200 km/ngày).
- Bảo hiểm trách nhiệm dân sự và bảo hiểm hành khách theo quy định.
- Nước uống, khăn lạnh trên xe (áp dụng xe 16 chỗ trở lên).

ĐIỀU KHOẢN & CHÍNH SÁCH

Hiệu lực báo giá	15 ngày kể từ ngày phát hành. Giá có thể thay đổi vào dịp lễ, Tết
Đặt xe	Xác nhận trước tối thiểu 24 giờ. Dịp lễ, Tết đặt trước 7–10 ngày
Thanh toán	Đặt cọc 30% khi xác nhận. Thanh toán 70% còn lại khi kết thúc chuyến
Hủy chuyến	Trước 24 giờ: miễn phí. Trong 24 giờ: phí 30% giá thuê. Không báo trước: phí 50% giá thuê
Thời gian sử dụng	Tiêu chuẩn 10 giờ/ngày (06:00–22:00). Quá giờ tính phụ phí theo bảng C
Km tiêu chuẩn	200 km/ngày. Quá km tính phụ phí theo bảng C
Hợp đồng dài hạn	Giảm 10–15% cho hợp đồng từ 3 tháng trở lên. Liên hệ để nhận báo giá riêng

THÔNG TIN THANH TOÁN

Đơn vị thụ hưởng	[TÊN CÔNG TY VẬN TẢI / CHO THUÊ XE]
Số tài khoản	[Số tài khoản ngân hàng]
Ngân hàng	[Tên ngân hàng — Chi nhánh]

Chúng tôi cam kết phục vụ chuyên nghiệp, đúng giờ và đảm bảo an toàn tuyệt đối cho hành khách.
Rất mong nhận được sự tin tưởng từ Quý khách hàng.

ĐẠI DIỆN KHÁCH HÀNG ĐẠI DIỆN NHÀ XE

(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

.....